|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số:   /2021/NQ-HĐND |  *Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2021* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực**

**chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHOÁ XVIII KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành quy định chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về đối tượng, điều kiện, nội dung, chính sách, quyền lợi, trách nhiệm, kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

b) Cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan, đơn vị tại điểm a của khoản này;

c) Giáo sư - Tiến sĩ, Phó Giáo sư - Tiến sĩ, Tiến sĩ;

d) Bác sĩ chuyên khoa II, Bác sĩ nội trú, Thạc sĩ - Bác sĩ, Bác sĩ chuyên khoa I;

đ) Bác sĩ Y khoa và bác sĩ đa khoa;

e) Người tốt nghiệp đại học loại giỏi, xuất sắc một số lĩnh vực tỉnh có nhu cầu;

g) Những người có tài năng, năng khiếu đặc biệt trong các ngành, lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao, các ngành nghề truyền thống;

h) Người được bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư; người được tặng các danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, Thầy thuốc Nhân dân, Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ nhân Nhân dân, Nhà giáo Ưu tú, Thầy thuốc Ưu tú, Nghệ sĩ Ưu tú, Nghệ nhân Ưu tú; người đạt các giải thưởng được tổ chức vinh danh; người có thành tích nghiên cứu khoa học, đề tài, sáng kiến kinh nghiệm; người đạt giải cao trong các kỳ thi quốc tế, khu vực, quốc gia, tỉnh.

3. Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết này.

**Điều 2. Chính sách hỗ trợ đào tạo**

1. Điều kiện được hỗ trợ khi cử đi đào tạo:

a) Đối với cán bộ, công chức: có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự) và 02 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo được xếp loại công chức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (đối với cán bộ, công chức là đảng viên); không quá 40 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu; sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị công tác trước khi cử đi đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 03 lần thời gian đào tạo; chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm, điều kiện, tiêu chuẩn khác của cơ sở đào tạo (nếu có); phù hợp với nhu cầu của cơ quan, đơn vị tại từng thời điểm;

b) Đối với viên chức: đã kết thúc thời gian tập sự (nếu có); 01 năm liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo được xếp loại viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (đối với viên chức là đảng viên); sau khi hoàn thành chương trình đào tạo có cam kết thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nghề nghiệp tại cơ quan, đơn vị trước khi cử đi đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 03 lần thời gian đào tạo; riêng đối với y sĩ công tác tại trạm y tế xã, phường, thị trấn được cử đi học bác sĩ cam kết thời gian thực hiện nhiệm vụ tại Trạm y tế xã, phường, thị trấn trong phạm vi đơn vị hành chính cấp huyện (huyện, thành phố, thị xã nơi y sĩ đang công tác) tối thiểu 10 năm liên tục; chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm, điều kiện, tiêu chuẩn khác của cơ sở đào tạo (nếu có); phù hợp với nhu cầu của cơ quan, đơn vị tại từng thời điểm;

c) Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa II, Thạc sĩ - Bác sĩ, Bác sĩ chuyên khoa I, ngoài điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản này, còn phải đáp ứng điều kiện: chuyên ngành đào tạo phải thuộc các ngành nghề trong danh mục tỉnh cần do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hằng năm, giai đoạn hoặc theo nhu cầu của tỉnh tại từng thời điểm cụ thể; cán bộ, công chức, viên được cử đi đào tạo Tiến sĩ, Thạc sĩ ngành y ở nước ngoài chỉ áp dụng đối với đối tượng không được hỗ trợ từ các chương trình hợp tác với nước ngoài được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc không thuộc diện được hỗ trợ theo các đề án của bộ, ngành, Trung ương;

d) Ngoài các điều kiện tại điểm a, b, c khoản này, cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo theo các chương trình hợp tác với nước ngoài được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, còn phải đáp ứng yêu cầu khác của chương trình hợp tác.

2. Mức hỗ trợ: thực hiện theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

**Điều 3. Chính sách hỗ trợ sau tiếp nhận, tuyển dụng**

1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Đủ tuổi công tác ít nhất 10 năm đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định, phù hợp với vị trí việc làm, được tiếp nhận, tuyển dụng, xếp lương theo quy định của pháp luật hiện hành, có cam kết về làm việc tại tỉnh tối thiểu 10 năm liên tục tính từ ngày quyết định có hiệu lực; đối với những người tiếp nhận, tuyển dụng về những cơ quan, đơn vị, địa phương được quy định hỗ trợ thêm phải cam kết công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương đó tối thiểu 05 năm liên tục tính từ ngày quyết định có hiệu lực;

b) Các đối tượng thuộc điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e và điểm g khoản 2 Điều 1 ngoài các điều kiện quy định tại điểm a khoản này còn phải thuộc danh mục các ngành nghề cần thu hút do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hằng năm hoặc giai đoạn hoặc tại thời điểm tỉnh có nhu cầu. Các đối tượng thuộc điểm d, điểm đ, điểm e khoản 2 Điều 1 phải tốt nghiệp đại học hệ chính quy, tập trung dài hạn;

c) Người tốt nghiệp Đại học ngành Sư phạm và các ngành khác tỉnh có nhu cầu, xếp loại Giỏi, Xuất sắc ngoài các điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản này còn phải đáp ứng điều kiện: đạt giải ba cá nhân trở lên tại một trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, đạt giải khuyến khích trở lên trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia hoặc Bằng khen trở lên trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc tế thuộc một trong các môn khoa học tự nhiên (toán, vật lý, hóa học, sinh học, tin học) và khoa học xã hội (ngữ văn, lịch sử, địa lý, ngoại ngữ) trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông;

d) Cán bộ, công chức, viên chức có trình độ đào tạo thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin (tốt nghiệp đại học hệ chính quy, xếp loại giỏi trở lên) được tiếp nhận về công tác tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a khoản này còn phải đáp ứng điều kiện: có công trình nghiên cứu khoa học hoặc sáng kiến, giải pháp kỹ thuật cấp tỉnh trở lên và có kinh nghiệm làm việc từ 03 năm trở lên (đối với viên chức), 05 năm trở lên (đối với công chức);

đ) Những người có tài năng, năng khiếu đặc biệt trong ngành, lĩnh vực văn hóa, thể thao, văn học nghệ thuật, các ngành nghề truyền thống ngoài các điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản này còn phải đáp ứng điều kiện được quy định cụ thể tiêu chí theo vị trí việc làm khi tuyển dụng của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối tượng không hỗ trợ: đã được hưởng chính sách theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; công chức, viên chức làm việc trên địa bàn tỉnh đã chuyển công tác ra ngoại tỉnh hoặc nghỉ việc tham gia tuyển dụng lại.

3. Mức hỗ trợ: thực hiện theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

**Điều 4. Chính sách thưởng**

1. Điều kiện được thưởng:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên, học sinh, văn nghệ sĩ, nghệ nhân được cơ quan có thẩm quyền cử tham dự xét, dự thi đạt giải trong các cuộc thi chính thức của quốc tế, quốc gia, khu vực, tỉnh hoặc được bổ nhiệm chức danh, tặng danh hiệu hoặc có thành tích nghiên cứu khoa học, đề tài, sáng kiến kinh nghiệm.

b) Quy định về các cuộc thi được áp dụng mức thưởng khi văn nghệ sĩ, nghệ nhân đạt thành tích: Giải thưởng của các hội diễn, liên hoan, cuộc thi về văn học, nghệ thuật quốc tế (không bao gồm các giải thưởng mang tính chuyên đề); giải thưởng của các hội diễn, liên hoan, cuộc thi về văn học, nghệ thuật toàn quốc do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Liên hiệp các Hội văn học Nghệ thuật Việt Nam và các Hội chuyên ngành Trung ương; hội diễn, liên hoan, cuộc thi về nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp toàn quốc do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức (chỉ áp dụng khi cơ cấu giải có ít nhất 01 giải nhất, 02 giải nhì, 03 giải ba).

2. Mức hỗ trợ: thực hiện theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

**Điều 5. Quyền lợi và trách nhiệm**

1. Quyền lợi:

a) Nếu cùng một nội dung thưởng, hỗ trợ mà nguồn kinh phí bố trí từ ngân sách tỉnh đã được quy định tại nhiều văn bản khác nhau thì chỉ được hưởng mức cao nhất tại một văn bản. Hình thức hỗ trợ 01 lần sau khi có quyết định tiếp nhận, tuyển dụng, được cấp bằng tốt nghiệp, giấy chứng nhận, chứng chỉ của tổ chức có thẩm quyền theo quy định;

b) Đối tượng là nữ được hưởng thêm 10% mức hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

c) Ngoài các khoản hỗ trợ theo quy định trên còn được hưởng:

Đối với cán bộ, công chức, viên chức cử đi đào tạo được áp dụng quyền lợi, chế độ chính sách theo Điều 37 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

Đối với người được hỗ trợ sau tiếp nhận, tuyển dụng: bố trí vào vị trí việc làm phù hợp trình độ, năng lực và chuyên ngành đào tạo; được xem xét bổ nhiệm vào các chức vụ phù hợp với năng lực, sở trường, phẩm chất, yêu cầu nhiệm vụ; nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đạt nhiều thành tích thì được xem xét đề bạt, bổ nhiệm và ưu tiên cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước; được xem xét tiếp nhận vợ hoặc chồng về làm việc tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh phù hợp với quy định và nhu cầu, khả năng biên chế của địa phương, đơn vị tại từng thời điểm.

2. Trách nhiệm:

a) Đối với đối tượng được cử đi đào tạo:

 Thực hiện theo cam kết, quy định về đào tạo cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện quy chế đào tạo và chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo trong thời gian tham gia khóa học; nếu vi phạm quy định, chịu trách nhiệm hoàn trả lại mức tiền được hỗ trợ và đền bù chi phí đào tạo áp dụng theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

b) Đối với đối tượng được hỗ trợ sau tiếp nhận, tuyển dụng:

Chấp hành việc phân công công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quản lý, theo thời gian và địa bàn như đã cam kết (không tính thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng); trường hợp xin nghỉ việc hoặc tự chấm dứt hợp đồng làm việc, không thực hiện đúng sự phân công, bố trí công tác thì chịu trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ các khoản hỗ trợ đã được hưởng theo Nghị quyết này. Việc hoàn trả phải hoàn thành trước khi làm các thủ tục chuyển công tác hoặc nghỉ việc tại cơ quan, đơn vị.

**Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện**

Nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết này được cân đối, bố trí từ nguồn ngân sách cấp tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

**Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh;

2. Nghị quyết này bãi bỏ một phần các Nghị quyết: bãi bỏ khoản 7, khoản 9 Điều 12 Nghị quyết số 96/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh về phát triển giáo dục mầm non và phổ thông tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo (đã được đính chính thứ tự khoản tại Nghị quyết số 152/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 sửa đổi, bãi bỏ một số điều của Nghị quyết số 96/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh về Phát triển giáo dục mầm non và phổ thông tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo).

**Điều 8. Quy định chuyển tiếp**

Các đối tượng đã được cử đi đào tạo, tiếp nhận, thu hút, đạt thành tích, được phong tặng danh hiệu trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục hưởng chính sách và thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND.

**Điều 9. Điều khoản tham chiếu**

Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

**Điều 10. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại
biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và ban hành danh mục các ngành nghề cần đào tạo, thu hút của tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVIII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày ..... tháng ..... năm 2021 và có hiệu lực từ ngày ... tháng 01 năm 2022./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Ủy Ban Thường vụ Quốc hội;- Ban Công tác đại biểu UBTVQH;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;- Bộ Nội vụ;- Bộ Lao động Thương binh và xã hội;- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;- Đại biểu HĐND tỉnh;- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;- Các sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;- Lưu: VT, TH. |  **CHỦ TỊCH** **Hoàng Trung Dũng** |

**Phụ lục số 01**

**MỨC HỖ TRỢ ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /2021/NQ-HĐND ngày / /2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Đối tượng** | **Mức hỗ trợ**  |
| **I** | **ĐÀO TẠO TRONG NƯỚC** |  |
| 1 | Tiến sĩ ngành nghề tỉnh cần | 150 |
| 2 | Bác sĩ chuyên khoa II | 80 |
| 3 | Thạc sĩ - Bác sĩ; Bác sĩ chuyên khoa I | 40 |
| 4 | Y sĩ công tác tại Trạm Y tế xã, phường, thị trấn tham gia đào tạo bác sĩ | Hỗ trợ 100% học phí khóa đào tạo theo quy định |
| **II** | **ĐÀO TẠO NƯỚC NGOÀI** |  |
| 1 | Tiến sĩ ngành nghề tỉnh cần | 250 triệu đồng + 04 lượt vé khứ hồi hạng phổ thông giữa Việt Nam và nước có cơ sở đào tạo (mức thanh toán giá vé theo hóa đơn thực tế) |
| 2 | Thạc sĩ ngành Y | 160 triệu đồng + 04 lượt vé khứ hồi hạng phổ thông giữa Việt Nam và nước có cơ sở đào tạo (mức thanh toán giá vé theo hóa đơn thực tế) |

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

**Phụ lục số 02**

**MỨC HỖ TRỢ SAU KHI TIẾP NHẬN, TUYỂN DỤNG ĐỐI VỚI NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /2021/NQ-HĐND ngày / /2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị: triệu đồng*

| **TT** | **Đối tượng** | **Mức** **hỗ trợ**  | **Hỗ trợ thêm**  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đối với ngành Giáo dục về công tác tại các huyện, thị xã (trừ thị xã Hồng Lĩnh, thành phố)** | **Đối với ngành Y** |
| Công tác tại các huyện: Hương Sơn, Vũ Quang, Hương Khê, Kỳ Anh; Bệnh viện phổi, bệnh viện Tâm thần, Trung tâm Pháp y và giám định y khoa, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh | Công tác tại Trạm Y tế |
| 1 | Giáo sư - Tiến sĩ | 1000 |   |   |   |
| 2 | Phó Giáo sư - Tiến sĩ | 800 |   |   |   |
| 3 | Tiến sĩ | 500 |   |   |   |
| 4 | Bác sĩ chuyên khoa II, bác sĩ nội trú | 300 |   |   |   |
| 5 | Thạc sĩ - Bác sĩ; Bác sĩ chuyên khoa I (có bằng Đại học Y khoa, đa khoa hệ chính quy tập trung dài hạn) ngoài mức hỗ trợ tương ứng với bậc đào tạo đại học quy định tại các số thứ tự thứ 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Phụ lục số 02 được hỗ trợ thêm | 40 |   |   |   |
| 6 | Bác sĩ y khoa, đa khoa xếp loại Xuất sắc tại Đại học Y Hà Nội, Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh  | 150 |   | 20 | 180 |
| 7 | Bác sĩ y khoa, đa khoa xếp loại Giỏi tại Đại học Y Hà Nội, Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh | 100 |   | 20 | 180 |
| 8 | Bác sĩ y khoa, bác sĩ đa khoa xếp loại Khá tại Đại học Y Hà Nội, Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh thu hút về cơ sở y tế công lập (trừ Bệnh viện Đa khoa tỉnh và Bệnh viên Đa khoa thành phố Hà Tĩnh) | 60 |   |   | 180 |
| 9 | Bác sĩ y khoa, đa khoa xếp loại Xuất sắc tại Đại học Y Dược khác | 80 |   | 20 | 180 |
| 10 | Bác sĩ y khoa, đa khoa xếp loại Giỏi tại Đại học Y Dược khác | 40 |   | 20 | 180 |
| 11 | Bác sĩ y khoa, đa khoa xếp loại Khá tại Đại học Y Dược khác thu hút về cơ sở y tế công lập (trừ Bệnh viện Đa khoa tỉnh và Bệnh viên Đa khoa thành phố Hà Tĩnh) | 30 |   |   | 180 |
| 12 | Bác sĩ y khoa, đa khoa tốt nghiệp loại Trung bình, Trung bình khá tại Đại học Y Dược thu hút về cơ sở y tế công lập | 0 |  |  | 180 |
| 13 | Người tốt nghiệp Đại học ngành Sư phạm xếp loại Xuất sắc (Đạt giải ba cá nhân trở lên tại một trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, đạt giải khuyến khích trở lên trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia hoặc Bằng khen trở lên trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc tế thuộc một trong các môn khoa học tự nhiên (toán, vật lý, hóa học, sinh học, tin học) và khoa học xã hội (ngữ văn, lịch sử, địa lý, ngoại ngữ) trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông) | 50 | 20  |   |   |
| 14 | Người tốt nghiệp Đại học ngành Sư phạm xếp loại Giỏi (Đạt giải ba cá nhân trở lên tại một trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, đạt giải khuyến khích trở lên trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia hoặc Bằng khen trở lên trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc tế thuộc một trong các môn khoa học tự nhiên (toán, vật lý, hóa học, sinh học, tin học) và khoa học xã hội (ngữ văn, lịch sử, địa lý, ngoại ngữ) trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông) | 40 | 20 |   |   |
| 15 | Người tốt nghiệp đại học xếp loại Xuất sắc chuyên ngành: Chăn nuôi, Thú y, Bảo vệ thực vật các trường đại học, học viện (trừ các Trường đại học cấp địa phương) về công tác tại các Trung tâm Ứng dụng KHKT và Bảo vệ cây trồng vật nuôi cấp huyện (trừ thị xã Hồng Lĩnh, thành phố) | 60 |  |  |  |
| 16 | Người tốt nghiệp đại học xếp loại Giỏi chuyên ngành: Chăn nuôi, Thú y, Bảo vệ thực vật các trường đại học, học viện (trừ các Trường đại học cấp địa phương) về công tác tại các Trung tâm Ứng dụng KHKT và Bảo vệ cây trồng vật nuôi cấp huyện (trừ thị xã Hồng Lĩnh, thành phố) | 40 |  |  |  |
| 17 | Người tốt nghiệp ĐH ngành khác xếp loại Xuất sắc nằm trong danh mục tỉnh cần (Đạt giải ba cá nhân trở lên tại một trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, đạt giải khuyến khích trở lên trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia hoặc Bằng khen trở lên trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc tế thuộc một trong các môn khoa học tự nhiên (toán, vật lý, hóa học, sinh học, tin học) và khoa học xã hội (ngữ văn, lịch sử, địa lý, ngoại ngữ) trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông) | 50 |   |   |   |
| 18 | Người tốt nghiệp ĐH ngành khác xếp loại Giỏi nằm trong danh mục tỉnh cần (đạt giải ba cá nhân trở lên tại một trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, đạt giải khuyến khích trở lên trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia hoặc Bằng khen trở lên trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc tế thuộc một trong các môn khoa học tự nhiên (toán, vật lý, hóa học, sinh học, tin học) và khoa học xã hội (ngữ văn, lịch sử, địa lý, ngoại ngữ) trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông) | 40 |   |   |   |
| 19 | Cán bộ, công chức, viên chức có trình độ đào tạo thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin (tốt nghiệp đại học hệ chính quy, xếp loại giỏi trở lên) được tiếp nhận về công tác tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a khoản này còn phải đáp ứng điều kiện: có công trình nghiên cứu khoa học hoặc sáng kiến, giải pháp kỹ thuật cấp tỉnh trở lên và có kinh nghiệm làm việc từ 03 năm trở lên (đối với viên chức), 05 năm trở lên (đối với công chức) | 50 |   |   |   |
| 20 | Những người có tài năng, năng khiếu đặc biệt trong ngành, lĩnh vực văn hóa, văn học nghệ thuật, thể thao, các ngành nghề truyền thống phải đáp ứng điều kiện được quy định cụ thể tiêu chí theo vị trí việc làm khi tuyển dụng | 100 |   |   |   |

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

**Phụ lục số 03**

**MỨC THƯỞNG ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, HỌC SINH VÀ NGƯỜI CÓ THÀNH TÍCH CAO**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /2021/NQ-HĐND ngày / /2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị: triệu đồng*

| **TT** | **Đối tượng** | **Mức thưởng tương ứng theo giải** | **Mức hỗ trợ không theo giải** |
| --- | --- | --- | --- |
| Giải Nhất hoặc Huy chương Vàng | Giải Nhì hoặc Huy chương Bạc | Giải Ba hoặc Huy chương Đồng | Giải khuyến khích |
| 1 | Được bổ nhiệm chức danh Giáo sư |  |  |  |  | 100 |
| 2 | Được bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư; được tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân |   |   |   |   | 50 |
| 3 | Được tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân ưu tú |   |   |   |   | 30 |
| 4 | Người đạt giải thưởng Hồ Chí Minh được tổ chức vinh danh, đưa vào ngân hàng đặt tên đường phố và công trình văn hóa |   |   |   |   | 100 |
| 5 | Người được giải thưởng Nhà nước được tổ chức vinh danh |   |   |   |   | 50 |
| 6 | Thưởng cho văn nghệ sĩ, nghệ nhân khi đạt thành tích tại các cuộc thi |   |   |   |   |   |
| *6.1* | *Đạt giải quốc tế* | 100 | 70 | 50 |   |   |
| *6.2* | *Đạt giải khu vực, châu lục* | 50 | 30 | 20 |   |   |
| *6.3* | *Đạt giải quốc gia* | 20 | 15 | 10 |   |   |
| *6.4* | *Đạt giải khu vực các vùng miền trong nước* | 15 | 10 | 5 |   |   |
| 7 | Thưởng đối với giáo viên đạt danh hiệu giáo viên giỏi cấp tỉnh  | 5 | 3 | 1,5 |   |   |
| 8 | Người có thành tích nghiên cứu khoa học, đề tài, sáng kiến kinh nghiệm: |   |   |   |   |   |
| *8.1* | *Người có bài báo khoa học đăng trên tạp chí Quốc tế uy tín thuộc danh mục ISI-WoS hoặc SCOPUS (tính theo đơn vị bài báo khoa học), tác giả của chương sách được xuất bản bởi NXB Quốc tế uy tín, theo danh mục của Hội đồng Giáo sư Nhà nước ban hành hàng năm (tính theo đơn vị chương sách) ghi tên đơn vị công tác tại Hà Tĩnh đối với tác giả chính* |   |   |   |   | 10 |
| *8.2* | *Người có bài báo khoa học đăng trên tạp chí Quốc tế uy tín thuộc danh mục ISI-WoS hoặc SCOPUS (tính theo đơn vị bài báo khoa học), tác giả của chương sách được xuất bản bởi NXB Quốc tế uy tín, theo danh mục của Hội đồng Giáo sư Nhà nước ban hành hàng năm (tính theo đơn vị chương sách) ghi tên đơn vị công tác tại Hà Tĩnh đối với đồng tác giả* |   |   |   |   | 5 |
| *8.3* | *Chủ nhiệm đề tài, tác giả chính của sáng kiến áp dụng có hiệu quả trên phạm vi toàn tỉnh, được hội đồng khoa học* *công nghệ chuyên ngành cấp tỉnh đánh giá xuất sắc (sử dụng ngân sách nhà nước để nghiên cứu)* |   |   |   |   | Không quá 15 triệu đồng (do UBND tỉnh quyết định) |
| *8.4* | *Chủ nhiệm đề tài, tác giả của sáng kiến áp dụng có hiệu quả trên phạm vi toàn tỉnh, được hội đồng khoa học công nghệ chuyên ngành cấp tỉnh đánh giá đạt trở lên (Không sử dụng ngân sách nhà nước để nghiên cứu)* |   |   |   |   | Không quá 50 triệu đồng (do UBND tỉnh quyết định) |

 **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**